TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-PT
Ngày 15 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 29/2025/TLPT-HNGĐ ngày 27/8/2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mã Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2001

Căn cước: 096301000550, cấp ngày 18/4/2024, nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Bùi Phạm Phước H, sinh ngày 29/9/1996

CCCD 096096007680, cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: ấp H, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Bị đơn, anh Bùi Phạm Phước H, sinh ngày 29/9/1996.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Mã Thị Yến N và bị đơn anh Bùi Phạm Phước H thống nhất xác định:

- *Về hôn nhân*: Anh, chị quen biết nhau, tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 ngày 05/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu, đến giữa năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N khởi kiện xin ly hôn, sau đó chị N rút lại đơn khởi kiện Toà án đình chỉ giải quyết vụ án, vợ chồng đoàn tụ chung sống với nhau đến khoảng 11/2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị N về nhà cha mẹ ruột sống đến nay.

Theo chị N xác định nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do chị phát hiện anh H không thay đổi mà vẫn còn liên lạc với người phụ nữ khác bên ngoài như nhắn tin…, anh H thường xuyên đi về khuya, không chăm sóc cho gia đình và tiếp vợ chăm sóc con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn.

Theo anh H xác định, do tính chất của công việc anh H làm công ở Công ty Thủy sản Camimex phường T, được công ty phân công nhiệm vụ thống kê việc thu mua thủy sản, nên phải làm ban đêm nhiều, thường xuyên về nhà trễ, để thuận tiện cho công việc của mình, nên anh có liên hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài để hỗ trợ cho công việc, có nhắn tin và trực tiếp gặp vài lần, khi đó chị N phát hiện, anh H cũng đã giải thích cho chị N biết việc liên hệ với người phụ nữ đó là do công việc, nhưng chị N không tin. Do đó, việc chị N trình bày là anh thường xuyên về nhà trễ, liên lạc với người phụ nữ khác bên ngoài và không phụ giúp gia đình là không đúng.

- *Về con chung:* Anh, chị thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Phạm Thiên P, sinh ngày 26/10/2024, hiện nay chị N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Anh H xác định, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung:* Chị N và anh H thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng gồm 18 chỉ vàng 24K và 04 chỉ vàng 18K do cha mẹ cho trong ngày cưới, chị N quản lý 08 phân vàng 18K, số vàng còn lại anh H quản lý. Khi ly hôn chị N yêu cầu được chia đôi số vàng chung.

Anh H xác định, khi N bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống đã để lại số vàng này cho anh quản lý gồm 18 chỉ vàng 24K và 3,2 chỉ vàng 18K, nhưng do trong thời gian sống chung anh có mượn tiền của bạn bè để lo cho gia đình, nên anh đã bán hết số vàng chung của vợ chồng để trả các khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, anh không đồng ý yêu cầu chia tài sản chung của chị N.

- *Về nợ riêng:* Chị N xác định, trước khi đám cưới thì anh H có mượn chị N số tiền là 20.000.000 đồng, nay chị yêu cầu anh H trả lại số tiền này. Anh H xác định, trước khi cưới anh có kêu chị N đưa anh số tiền 20.000.000 đồng để anh cho bà Dư Cẩm N1 là đồng nghiệp của anh mượn, hiện nay bà N1 chưa trả lại số tiền này. Khi nào bà N1 trả số tiền này anh sẽ trả lại cho chị N 10.000.000 đồng.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mã Thị Yến N đối với anh Bùi Phạm Phước H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Phạm Thiên P, sinh ngày 26/10/2024 cho chị Mã Thị Yến N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Bùi Phạm Phước H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu P mỗi tháng là 2.205.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 17/7/2025 đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Buộc anh Bùi Phạm Phước H có trách nhiệm giao cho chị Mã Thị Yến N 09 chỉ vàng 24K và 1,2 chỉ vàng 18K.

4. Về nợ riêng: Buộc anh Bùi Phạm Phước H có trách nhiệm trả cho chị Mã Thị Yến N số tiền mượn 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/7/2025 anh H kháng cáo không đồng ý ly hôn, không đồng ý chia tài sản vì số vàng anh đã bán trả nợ chung vợ chồng, không đồng ý trả lại cho chị N số tiền 20.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh H, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức, nội dung đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên toà phúc thẩm chị N, anh H có mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của anh H không đồng ý ly hôn: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 117 do Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/12/2022, có căn cứ xác định hôn nhân của anh H, chị N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét kháng cáo của anh H không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị N ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng mất lòng tin với nhau, trong thời gian ngắn chung sống nhưng hai lần chị N làm đơn khởi kiện xin ly hôn, anh H không đồng lý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp hàn gắn, cũng như không tạo cho chị N được niềm tin trong mối quan hệ vợ chồng, hiện tại chị N về sống chung với cha mẹ ruột thời gian từ cuối năm 2023 đến nay nhưng anh H không có biện pháp thuyết phục để chị N về chung sống với anh, nên có căn cứ xác định đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cấp sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N, xử cho chị N ly hôn với anh H là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm, chị N xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H nữa, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo không đồng ý ly hôn của anh H.

[3] Xét kháng cáo của anh H về chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà sơ thẩm anh H và chị N thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng gồm 18 chỉ vàng 24k và 04 chỉ vàng 18k, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là sự kiện, tình tiết không cần phải chứng minh, anh H kháng cáo xác định tài sản chung vợ chồng gồm 16 chỉ vàng 24k, nhưng anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ xác định tài sản chung 16 chỉ vàng 24k.

Xét kháng cáo của anh H không đồng ý chia tài sản chung, vì số vàng anh đã bán để chi trả cho các khoản nợ chung vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng chị N xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào, anh H không đưa ra chứng cứ chứng minh vợ chồng có nợ chung, việc anh H xác định bán số vàng là tài sản chung để trả nợ chung nhưng anh không chứng minh được vợ chồng có nợ chung, anh bán vàng không được sự đồng ý của chị N, theo khoản 1 Điều 29 luật Hôn nhân và gia đình quy định "Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập", theo đó, khi anh H một mình bán tài sản chung của vợ chồng mà không được sự đồng ý của chị N thì anh H phải tự chịu trách nhiệm, cấp sơ thẩm chia tài sản chung và buộc anh H có trách nhiệm hoàn trả lại số vàng chia cho chị N là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của anh H.

[4] Xét kháng cáo của anh H đối với số tiền nợ 20.000.000 đồng anh nợ chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng anh H thừa nhận trước khi kết hôn với chị N, chị N có đưa anh số tiền 20.000.000 đồng để anh cho đồng nghiệp của anh vay đến nay chưa trả. Do đó, anh phải có trách nhiệm giao trả số tiền này cho chị N, cấp sơ thẩm buộc anh giao trả cho chị N số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của anh H.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị cấp phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Bùi Phạm Phước H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Các phần quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Phạm Phước H, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2025/HNGĐ-ST ngày 17/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 33, 43, 51, 53, 56, 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mã Thị Yến N đối với anh Bùi Phạm Phước H.

Xử cho chị Mã Thị Yến N, sinh ngày 16/9/2001 được ly hôn với anh Bùi Phạm Phước H, sinh ngày 29/9/1996.

2. Về con chung:

- Giao cháu Bùi Phạm Thiên P, sinh ngày 26/10/2024 cho chị Mã Thị Yến N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Phạm Phước H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Phạm Thiên P mỗi tháng là 2.205.000 đồng (Hai triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 17/7/2025 đến khi cháu Bùi Phạm Thiên P tròn 18 tuổi.

Anh Bùi Phạm Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung:

- Chia cho chị Mã Thị Yến N 09 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k, chị N đang quản lý 0,8 chỉ vàng 18k được tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Chia cho anh Bùi Phạm Phước H 09 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k, anh H đang quản lý 18 chỉ vàng 24k và 3,2 chỉ vàng 18k.

- Buộc anh Bùi Phạm Phước H có trách nhiệm giao trả lại cho chị Mã Thị Yến N 09 chỉ vàng 24K và 1,2 chỉ vàng 18K.

4. Về nợ riêng: Buộc anh Bùi Phạm Phước H có trách nhiệm trả cho chị Mã Thị Yến N số tiền mượn là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí chia tài sản, phúc thẩm:

5.1. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản:

- Chị Mã Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng, án phí chia tài sản chung số tiền là 5.632.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.593.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0010526, ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (nay là Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau) được chuyển thu án phí, chị Mã Thị Yến N phải nộp tiếp số tiền là 2.339.000 đồng (Hai triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Anh Bùi Phạm Phước H phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng, án phí chia tài sản chung khi ly hôn với số tiền là 5.632.000, án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 6.932.000 đồng (Sáu triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Bùi Phạm Phước H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Bùi Phạm Phước H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011741 ngày 29/7/2025, tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà phúc thẩm TANDTC;
- VKSND tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND khu vực 1 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn